

Bản án số: 143/2021/HS-ST

Ngày: 29/7/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Hưng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Tư và ông Cao Đức Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Tăng Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 134/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Viết L (tên gọi khác: Không); sinh năm 1990 tại huyện DChâu, tỉnh N An; nơi cư trú: Xóm H Nam, xã D Bích, huyện D Châu, tỉnh N An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh N và bà Hoàng Thị T; chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 17/01/2020, bị TAND huyện Diễn Châu xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 18/01/2021 đến ngày 27/01/2021 được tại ngoại (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Đậu Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm Y Quang, xã DNgọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Chị Hồ Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Khối 1, thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Chị Ngô Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Khối 2, thị trấn DChâu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 1, xã DThành, huyện DChâu, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Khối 2, thị trấn DChâu, huyện DChâu, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khối 2, thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2020 đến tháng 01/2021, Nguyễn Viết L đã có hành vi cho nhiều người trên địa bàn huyện D Châu vay tiền với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép (20%/năm). Cụ thể như sau:

1. Giao dịch với chị Đậu Thị T:

+ Lần 1: Tháng 9/2020, L cho chị T vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.200 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị T đã trả hết cho L.

+ Lần 2: Tháng 11/2020, L cho chị T vay 15.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu trước tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 328.800 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.200 đồng. Số tiền gốc chị T đã trả hết cho L.

+ Lần 3: Tháng 01/2021, L cho chị T vay 20.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 4.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 438.400 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.561.600 đồng. Đến nay chị T đã trả 6.500.000 đồng tiền gốc, còn nợ L 13.500.000 đồng.

2. Giao dịch với Hồ Thị H:

+ Lần 1: Tháng 9/2020, L cho chị H vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.200 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H đã trả hết cho L.

+ Lần 2: Tháng 11/2020, L cho chị H vay 15.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu trước tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 328.800 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.200 đồng. Số tiền gốc chị H đã trả hết cho L.

+ Lần 3: Tháng 01/2021, L cho chị H vay 20.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 4.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 438.400 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.561.600 đồng. Đến nay chị H đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ L 10.000.000 đồng.

3. Giao dịch với chị Ngô Thị H:

+ Lần 1: Tháng 9/2020, L cho chị H vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.200 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H đã trả hết cho L.

+ Lần 2: Tháng 11/2020, L cho chị H vay 15.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu trước tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 328.800 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.200 đồng. Số tiền gốc chị H đã trả hết cho L.

+ Lần 3: Tháng 01/2021, L cho chị H vay 15.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu trước tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 328.800 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.200 đồng. Đến nay chị H đã trả 7.500.000 đồng, còn nợ L 7.500.000 đồng tiền gốc.

4. Giao dịch với Nguyễn Thị T:

+ Lần 1: Tháng 10/2020, L cho chị T vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.200 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị T đã trả hết cho L.

+ Lần 2: Tháng 12/2020, L cho chị T vay 15.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu trước tiền lãi là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 328.800 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.200 đồng. Số tiền gốc chị T đã trả hết cho L.

5. Giao dịch với chị Nguyễn Thị T:

+ Lần 1: Tháng 11/2020, L cho chị T vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, thu trước tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 109.600 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.400 đồng. Số tiền gốc chị T đã trả hết cho L.

+ Lần 2: Tháng 01/2021, L cho chị T vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.200 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Đến nay chị T đã trả L 2.800.000 đồng, còn nợ L 7.200.000 đồng tiền gốc.

6. Giao dịch với Nguyễn Thị T:

+ Lần 1: Tháng 11/2020, L cho chị T vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.200 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị T đã trả hết cho L.

+ Lần 2: Tháng 01/2021, L cho chị T vay 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày, đã thu tiền lãi trước là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.200 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Đến nay chị T đã trả L 8.200.000 đồng, còn nợ L 1.800.000 đồng tiền gốc.

Tổng cộng, Nguyễn Viết L đã thông qua 15 giao dịch dân sự cho 6 người vay với số tiền gốc là 190.000.000 đồng với lãi suất 182,5%/năm. Thu lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.164.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 33.835.200 đồng (lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm). Những người vay còn nợ bị cáo số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKS-DC ngày 16/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện DChâu, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Viết L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 của Bộ luật hình sự.

Luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố nhận định: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Viết L từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, buộc Nguyễn Viết L phải chấp hành hình phạt 6 tháng tù tại Bản án số 14/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện D Châu, tỉnh Nghệ An.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Buộc Nguyễn Viết L giao nộp sung Ngân sách Nhà nước những khoản sau:

- Số tiền gốc cho vay (phương tiện phạm tội) là 190.000.000 đồng, nhưng được trừ khoản nợ gốc các cá nhân vay của bị cáo chưa trả là 40.000.000 đồng. Còn phải truy thu 150.000.000 đồng.

- Số tiền lãi (=20%/năm) phát sinh từ tội phạm là 4.164.800 đồng.

Tổng cộng: 154.164.800 đồng.

* Buộc Nguyễn Viết L hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính), tổng cộng 33.835.200 đồng, gồm:

- + Chị Đậu Thị T: 8.013.600 đồng.
- + Chị Hồ Thị H: 8.013.600 đồng.
- + Chị Ngô Thị H: 7.123.200 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị T: 4.452.000 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị T: 2.671.200 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị T: 3.561.600 đồng.

* Truy thu sung quỹ Nhà nước khoản nợ gốc các cá nhân vay của bị cáo chưa trả là 40.000.000 đồng, gồm:

- + Chị Đậu Thị T: 13.500.000 đồng.
- + Chị Hồ Thị H: 10.000.000 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị T: 7.200.000 đồng.
- + Chị Ngô Thị H: 7.500.000 đồng.
- + Chị Nguyễn Thị T: 1.800.000 đồng.

* Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 01/2021, Nguyễn Viết L cho 6 người trên địa bàn các xã D Thành, xã D Ngọc, thị trấn D Châu, huyện D Châu, tỉnh N An vay với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất), vượt mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 162,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền 33.835.200 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý

kinh tế, xã hội nói chung. Bởi vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã một lần bị kết án, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy cần xử phạt bị cáo loại hình phạt và mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

- Do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo, nên cần áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Toàn bộ số tiền gốc bị cáo cho vay là phương tiện phạm tội, cần buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra xác định trong tổng số tiền 190.000.000 đồng đã cho vay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo số tiền 40.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc cần buộc bị cáo nộp lại là 150.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi 4.164.800 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà những người vay đã trả cho các bị cáo là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, cần phải tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 33.835.200 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, cần buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay.

Đối với khoản tiền gốc 40.000.000 đồng mà những người vay chưa trả cho bị cáo, cần buộc những người vay nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Việc xử lý vật chứng:

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu giữ của bị cáo là công cụ phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Viết L 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Buộc Nguyễn Viết L phải chấp hành hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 14/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Diên Châu, tỉnh N An, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 18/01/2021 đến ngày 27/01/2021.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Biện pháp tư pháp:

- Truy thu tại Nguyễn Viết L số tiền 154.164.800 đồng (một trăm năm mươi tư triệu một trăm sáu mươi tư ngàn tám trăm đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp số tiền 40.000.000 đồng còn nợ của bị cáo để tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Chị Đậu Thị T phải nộp số tiền: 13.500.000 đồng.

+ Chị Hồ Thị H phải nộp số tiền: 10.000.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền: 7.200.000 đồng.

+ Chị Ngô Thị H phải nộp số tiền: 7.500.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền: 1.800.000 đồng.

- Buộc Nguyễn Viết L hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính), tổng cộng 33.835.200 đồng, gồm:

+ Hoàn trả cho chị Đậu Thị Th số tiền: 8.013.600 đồng.

+ Hoàn trả cho chị Hồ Thị H số tiền: 8.013.600 đồng.

+ Hoàn trả cho chị Ngô Thị H số tiền: 7.123.200 đồng.

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền: 4.452.000 đồng.

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền: 2.671.200 đồng.

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền: 3.561.600 đồng.

3.2. Xử lý vật chứng:

Sung quỹ Nhà nước số 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có 1 sim; số model: TA-1010; Imeil: 354185101447713, đã qua sử dụng và bị vỡ màn hình.

Vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DChâu, tỉnh N An theo phiếu nhập kho số NK 0108 ngày 19 tháng 4 năm 2021.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện D Châu;
- THA Hình sự huyện DChâu;
- THA Dân sự huyện D Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh N An;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Bạch Hưng Thành

